

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 33/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2019, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Néang ML, sinh năm: 1992; đăng ký thường trú: Ấp TM, xã LP, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang; tạm tại: Nhà trọ PP, đường D, tổ 16, khu phố X, phường TH, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Bị đơn: Ông Lê Toàn N, sinh năm: 1993; đăng ký thường trú: Ấp CQ, xã TB, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang; tạm trú: Đường DY, tổ J, khu phố V, phường TH, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 01 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 01 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Néang ML và ông Lê Toàn N.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung:

Giao cho bà Néang ML trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung Lê Thị TV, sinh ngày: 07/11/2012.

Ông Lê Toàn N cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng), thời gian cấp dưỡng bắt đầu kể từ ngày 18/01/2019 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành của bà Néang ML cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng ông Lê Toàn N còn phải chịu khoản tiền lãi của số

tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án xong.

Ông Lê Toàn N có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Bà Néang ML và các thành viên trong gia đình không được cản trở ông Nghĩa trong việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ này.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Các đương sự tự khai không có nên không đặt vấn đề giải quyết.

- Về án phí:

+ Bà Néang ML tự nguyện chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0029800 ngày 02/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương, còn lại hoàn trả cho bà Néang ML 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng).

+ Ông Lê Toàn N phải chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng định kỳ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- Chi cục THADS thị xã Bến Cát;
- UBND xã TB, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: HSPA, VT.

THẨM PHÁN

Phạm Thị Xuân